TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - H□NG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 77/2025/HNGĐ -ST
Ngày 19/12/2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Ái
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Chử
2. Bà Dương Thị Thu Hồng
-***Thư ký phiên toà***: Ông Dương Mạnh Hùng - Thư ký TAND khu vực 1 - Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2025/TLST - HNGĐ ngày 23/10/2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 19/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST– HNGĐ ngày 05/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1987

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Đ T, sinh ngày 08/4/2010 và cháu Trần Đ P, sinh ngày 22/10/2011

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn V (là bố mẹ đẻ của các cháu)

Cùng địa chỉ: thôn AD, xã PNL, Hưng Yên

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2025 và lời khai của chị H trình bầy: Chị và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy (nay là xã Phạm Ngũ Lão) vào năm 2009, sau đó đăng ký và cấp lại vào ngày 06/4/2021. Sau khi tHnh vợ chồng chị về ngay gia đình chung sống. Vợ chồng có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2014 vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh V chơi bời, vợ chồng đã nói chuyện, tìm biện pháp nhưng mâu thuẫn ngày một trầm tọng.

Do mâu thuẫn, năm 2018 vợ chồng sống ly thân nhau, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, vẫn liên lạc với nhau vì con, khi chị làm đơn ly hôn anh V, chị có gọi điện nói chuyện với anh V, anh V nhất trí ly hôn vì xác định không ở với nhau được nữa.

- Về con chung: Có 02 con chung, là cháu Trần Đ T, sinh năm 2010 và cháu Trần Đ P, sinh năm 2011. Khi ly hôn chị nhận nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Anh Trần Văn Đường (anh trai của anh V) trình bày: Anh V, chị H tự tìm hiểu nhau, sau đó được hai gia đình tổ chức cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy (nay là xã Phạm Ngũ Lão) vào năm 2009. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Sau khi sinh con thứ hai được 1 thời gian vợ chồng mâu thuẫn là do hai vợ chồng đi làm công ty, nguyên nhân cụ thể anh không rõ, vì vậy anh V chán nản dẫn đến chơi bời, sống ly thân nhau, kinh tế độc lập, sau đó vợ chồng bán đất nH và mỗi người một nơi, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, còn anh V thì vào Miền Nam làm ăn, cuối năm 2025, anh V về định làm ăn ở quê nhưng không được, vì thế vài tháng sau anh V lại vào Miền Nam làm ăn, chị H hết hạn hợp đồng về nước, có đến nói chuyện với gia đình và gọi điện cho anh V, anh V nhất trí ly hôn và có nhờ anh nhận giấy tờ thay anh V khi Tòa án giao.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Đ T, sinh năm 2010 và cháu Trần Đ P, sinh năm 2011.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có

Bà Nguyễn Thị Thắm (mẹ đẻ của chị H) trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như chị H trình bày. Sau khi cưới chị H về gia đình chồng chung sống, Khoảng 05 năm trước, anh V chị H mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V chơi bời nên bán đất, anh V chị H đi làm ăn, mỗi người sống một nơi, hai con chung thì cháu Trọng ở với cô ruột, còn cháu Phúc ở với anh Đường (anh trai của anh V), nay chị H làm ăn về đón các cháu về ở và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh V. Anh V, chị H có 02 con chung là Trần Đ T, sinh năm 2010 và Trần Đ P, sinh năm 2011. Về tài sản chung: Không có

Cháu Trần Đ P và cháu Trần Đ T(con trai của chị H, anh V) trình bày: Bố mẹ cháu chung sống có mâu thuẫn nên bố mẹ đã không ở với nhau hơn 05 năm. Khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ H.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến Hnh triệu tập và lấy lời khai của anh V nhưng anh V không đến, vì vậy trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện quan điểm của anh V.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do

Đại diện VKSND khu vực 1 – Hưng Yên phát biểu ý kiến:

+ Về chấp Hnh pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán,Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã chấp Hnh đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã chấp Hnh đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 78 BLTTDS. Bị đơn chưa chấp Hnh đúng quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Nhinh, đề nghị HĐXX tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị H được ly hôn với anh V.

Về con chung: Tuyên xử giao cả 02 cháu Trần Đ T, sinh ngày 08/4/2010 và Trần Đ P, sinh ngày 22/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H.

Vì quyền lợi của con chung: Anh V có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai cản trở. Anh V, chị H hoặc các tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp với hai bên gia đình: không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh V, hiện anh V có nơi cư trú tại thôn AD, xã PNL, tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng vẫn tiến Hnh xét xử vụ án theo khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn V kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 15/6/2009, cấp giấy chứng nhận kết hôn lại vào ngày 06/4/2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc. Năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hai bên không tôn trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, mỗi người một nơi, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, kinh tế mỗi người độc lập. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên Tòa án triệu tập anh V đến hòa giải để đoàn tụ nhưng anh V không đến, qua gia đình anh V cũng nhất trí ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh V của chị H là phù hợp với thực trạng hôn nhân của anh chị nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh V, chị H có 02 con chung là cháu Trần Đ T, sinh ngày 08/4/2010 và cháu Trần Đ P, sinh ngày 22/10/2011. Quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, xét thấy nguyện vọng của chị H là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu, nguyện vọng của gia đình anh V vì hiện anh V không có mặt địa phương, đi làm ăn xa, vì vậy để đảm bảo được quyền lợi và sự ổn định cho hai cháu trong việc ăn ở, học tập và sinh hoạt nên giao cả 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi tHnh niên. Quan điểm của chị H không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, công sức, công nợ và các vấn đề khác: Anh V, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Văn V.

2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Đ T, sinh ngày 08/4/2010 và cháu Trần Đ P, sinh ngày 22/10/2011 đến khi đủ tuổi tHnh niên.

Công nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở; nếu anh V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên kia.

Vì quyền lợi của con chung, anh V chị H hoặc tổ chức cá nhân quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0002534 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi Hnh án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị H, anh V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Ái

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
-VKSND cùng cấp;
- THA dân sự tỉnh Hưng Yên;
-Đương sự;
-UBND xã Phạm Ngũ Lão, Hưng Yên;
-Lưu HS.